

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

STT	Nội dung yêu cầu	Đạt	Không đạt
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ		
1.1	Bảng kê nêu rõ và đầy đủ các hàng hóa sử dụng cho gói thầu (bao gồm: Tên quốc gia sản xuất, tên hãng sản xuất, mã hiệu (nếu có), thương hiệu của thiết bị)) phù hợp yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V.	Có nêu rõ và đầy đủ các hàng hóa sử dụng cho gói thầu (bao gồm: Tên quốc gia sản xuất, tên hãng sản xuất, mã hiệu (nếu có), thương hiệu của thiết bị) phù hợp yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V. Đối với máy vi tính, nhà thầu phải nêu cụ thể nhãn hiệu của board mạch chủ (model mainboard), bao gồm mã hiệu và tên nhà sản xuất. Nhà thầu phải có bản tuyên bố đáp ứng kỹ thuật đối với tất cả hàng hóa chào thầu kèm nội dung tham chiếu tài liệu kỹ thuật (chi tiết theo mục/trang).	Không có nêu (hoặc chưa rõ và đầy đủ) các hàng hóa sử dụng cho gói thầu (bao gồm: Tên vật tư, nhãn hiệu và nhà sản xuất) phù hợp yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V. Đối với máy vi tính, nhà thầu không trình bày rõ nhãn hiệu của board mạch chủ (model mainboard), bao gồm mã hiệu và tên nhà sản xuất. Nhà thầu không có bản tuyên bố đáp ứng kỹ thuật đối với tất cả hàng hóa chào thầu kèm nội dung tham chiếu tài liệu kỹ thuật (chi tiết theo mục/trang) hoặc có nhưng không đủ chi tiết nội dung tham chiếu.
1.2	Cam kết về hàng hóa	Nhà thầu cung cấp các tài liệu sau:	Không có bản cam kết hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng yêu cầu.

STT	Nội dung yêu cầu	Đạt	Không đạt
		- Có cam kết cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh tính hợp pháp của sản phẩm, tiêu chuẩn sản phẩm, đăng ký nhãn hiệu (nếu có) của hàng hóa; - Có cam kết cung cấp đầy đủ giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) và giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) khi giao hàng (nếu là hàng hóa nhập khẩu) đối với các thiết bị chính (không yêu cầu đối với vật tư phụ, phụ kiện phổ biến trên thị trường ...); - Có cam kết cung cấp hàng hóa đúng như dự thầu (xuất xứ, hãng sản xuất, chủng loại, ký mã hiệu, model, thông số kỹ thuật) sau khi trúng thầu và thực hiện hợp đồng, trường hợp sau khi ký hợp đồng hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng nhà thầu thay đổi hàng hóa nhưng không có lý do hợp lý và không được chủ đầu tư chấp thuận thì sẽ bị tính là vi phạm hợp đồng; - Có bản cam kết thu hồi hàng bị lỗi, hàng hóa kém chất lượng không đáp ứng về thông số kỹ thuật hoặc bị hư hỏng trong quá trình nghiệm thu; - Có cam kết tuân thủ các bước kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Kiểm tra hàng hóa trước khi lắp đặt, kiểm tra công tác lắp đặt, kiểm tra trước	

STT	Nội dung yêu cầu	Đạt	Không đạt
		khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; - Có cam kết sẽ cung cấp các phiếu test kiểm tra thử nghiệm các thông số thiết bị chào thầu của đơn vị chuyên môn nếu có yêu cầu của chủ đầu tư, chi phí duyệt mẫu và test thử nghiệm do nhà thầu chịu.	
2	Tiến độ cung cấp hàng hóa		
2.1	Bảng tiến độ cung cấp lắp đặt hàng hóa chi tiết, hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật ≤ 30 ngày (kể cả ngày lễ, thứ 7 và chủ nhật) và đáp ứng yêu cầu tại Chương V của E-HSMT. Trong đó phải thể hiện rõ thời gian bắt đầu cho đến khi nghiệm thu bàn giao từng hạng mục hàng hóa của gói thầu.	Có bảng tiến độ chi tiết, hợp lý, khả thi đáp ứng yêu cầu E-HSMT	Không có hoặc có nhưng không chi tiết hoặc không khả thi hoặc không đáp ứng tất cả yêu cầu E-HSMT
3	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì, xử lý sự cố		
3.1	Thời gian bảo hành	Thời gian bảo hành 01 năm đối với máy in A4, 02 năm máy tính để bàn, 03 năm máy tính xách tay và máy in A3 (theo tiêu chuẩn của chính hãng sản xuất)	Không có đề xuất (hoặc có đề xuất nhưng không đáp ứng).
3.2	Nhà thầu trình bày quy trình bảo trì	Nhà thầu có thuyết minh trình bày phương án bảo trì hợp lý và có văn bản cam kết thời gian bảo trì định kỳ	Nhà thầu không có thuyết minh trình bày phương án bảo trì (hoặc có nhưng không hợp lý hoặc không

STT	Nội dung yêu cầu	Đạt	Không đạt
		03 tháng/01 lần trong thời gian bảo hành và không được tính phí bảo trì.	có văn bản cam kết thời gian bảo trì định kỳ 03 tháng/01 lần trong thời gian bảo hành và không được tính phí bảo trì).
3.3	Thời gian sửa chữa và thay thế vật tư - thiết bị	- Có cam kết trong vòng 04 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc đến khắc phục sửa chữa và thay thế vật tư - thiết bị, nhà thầu phải có cán bộ kỹ thuật đến hiện trường xem xét, đánh giá và đưa ra giải pháp thực hiện phù hợp.	Không có cam kết (hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng).
3.4	Dịch vụ giao hàng, dịch vụ hỗ trợ từ xa	- Có cam kết dịch vụ giao hàng tận nơi, lắp đặt, cài đặt phần mềm. - Có cam kết dịch vụ hỗ trợ tư vấn kỹ thuật và xử lý sự cố kỹ thuật trong thời gian bảo hành	Không có cam kết (hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng).
4	Uy tín của nhà thầu		
4.1	Uy tín nhà thầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu	Nhà thầu có cam kết về uy tín của nhà thầu trong việc tham dự thầu bao gồm thông tin về các hành vi vi phạm trong quá trình tham dự thầu quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Nhà thầu không có cam kết
5	Các yêu cầu khác		
5.1	Các yêu cầu khác	Nhà thầu cung cấp tài liệu theo yêu cầu và cam kết đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại Khoản 3 Mục 1 Chương V của E-HSMT	Nhà thầu không có cam kết
Kết luận		Đạt tất cả các nội dung yêu cầu nêu trên	ĐẠT

STT	Nội dung yêu cầu	Đạt	Không đạt
		Không đạt bất kỳ nội dung yêu cầu nào nêu trên	KHÔNG ĐẠT